

Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: lớp 9/12, con ông Võ Văn T, con bà: Nguyễn Thị N, bị cáo có 03 người em ruột, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2006; có vợ: Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1999. Có 01 người con sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 9 năm 2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Minh T; Sinh ngày 09 tháng 8 năm 19xx; Nơi sinh: huyện P, tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký T trú và chỗ ở hiện nay: Ấp AB, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 7/12, con ông: Lê Hoàng V; con bà: Đào Thị Minh T; bị cáo có 01 người anh ruột sinh năm 1993; Bị cáo chưa có vợ. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 9 năm 2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966; Địa chỉ: 46/5 ấp Thạnh M, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Văn N, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2004; Địa chỉ: ấp Thạnh H, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người giám hộ của anh Bùi Văn N: Anh Lê Tấn Tài- Phó Bí Thư Đoàn Thanh niên xã MH; Nơi công tác: Ủy ban N dân xã MH, huyện P.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp Thạnh M, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 28/9/2019, Bùi Văn N (sinh ngày 05/8/2004, cư trú: ấp Thạnh H, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre) đến nhà Đặng Chí B ở ấp Thạnh M, xã MA chơi. Tại đây, B nói với N “Ở tiệm tạp hóa gần đầu cầu có hai, ba chiếc xe ngon lắm, mày đi lấy về bán chia tiền xài”. Nghe vậy, N biết là đầu cầu Rạch Chim ở cùng ấp nên trả lời “Để tối tối tao lấy”. Sau đó, B và N tổ chức uống rượu tại nhà B, được khoảng 02 tiếng đồng hồ thì N say rượu nên lên giường nhà B nằm nghỉ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, B đói bụng nên đi mua mì gói về ăn. Khi về đến nhà, thấy có chiếc xe mô tô dựng trước sân, B hỏi N “Chiếc xe ở đâu có?” N trả lời “Mới lấy ở đầu cầu”. Do xe không có chìa khóa nên N dùng đèn pin điện thoại rọi cho B dùng kéo cắt dây mass ổ khóa để khởi động máy xe nhưng không khởi động được, cả hai đẩy chiếc xe vào trong buồng nhà B rồi cùng nhau tháo dàn áo (phần đồ nhựa) của xe và biển số xe bỏ vào thùng nhựa màu xanh để trong buồng, phần thân xe cả hai đẩy vào góc buồng cất giấu và dùng các bao lúa, bạc nilong đậy lại.

Do sợ bị phát hiện nên đến trưa ngày 29/9/2019, B và N lấy dàn áo xe và biển số xe bỏ vào bao tải rồi vứt xuống rạch gần nhà B. Đến ngày 30/9/2019, cả hai cùng nhau tiếp tục đẩy phần thân xe còn lại xuống ao nhà B để phi tang.

Ngày 20/11/2019, Lê Minh T cùng với Võ Văn K và Nguyễn Tấn C đi ngang ao nhà B thấy có nhiều cá nên xin B cho giăng lưới bắt cá, do ở cùng địa phương quen biết nên B đồng ý. Trong lúc giăng lưới thì B đi đến nơi giấu chiếc xe mô tô trên giả vờ nói với T, K và C là phát hiện chiếc xe mô tô nên cả nhóm cùng nhau kéo xe lên bờ. Lúc vớt xe, B mới nói với T, K và C là “Chiếc xe này do N trộm lúc trước đẩy xuống vuông, các anh có lấy gì lấy”. Nghe vậy, C về nhà lấy các dụng cụ gồm: kim, khóa, tua vít đến rồi cùng K, T tháo và chia nhau các bộ phận xe. C lấy sườn xe và máy xe, K lấy hai cặp phuộc trước và sau, T lấy hai bánh xe để đem về nhà sử dụng, các bộ phận còn lại để tại nhà của B. Ngày 24/11/2019, Cơ quan Công an xã MA phát hiện nên mời B, K, C và T đến làm rõ. Các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và giao nộp các tài sản đã chiếm đoạt.

Đối với chiếc xe mô tô N lấy trộm nêu trên có nhãn hiệu Honda, loại WAVE-RSX, màu đỏ-đen, biển số 71B2-613.33 là xe của ông Nguyễn Văn B (cư trú ấp Thạnh M, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre) gửi tại nhà của ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1974, ở cùng ấp) từ ngày 28/9/2019. Đến sáng ngày 29/9/2019, ông B đi đến nhà ông H để lấy xe về thì phát hiện xe bị mất nên đến Công an xã MA trình báo sự việc. (Bút lục số: 227-253).

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 18/3/2020 của Hội đồng Định giá tài sản huyện P kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại WAVE-RSX, màu sơn đỏ-đen, dung tích 109cm³, số máy JA32E1125185, số khung RLHJA3210EY069465, biển số 71B2-613.33. Tài sản đã qua sử dụng, giá trị còn lại 55% so với giá mua mới tài sản cùng loại trên thị trường là: 22.700.000đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng) * 55% giá trị còn lại = 12.485.000đ (Mười hai triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

- Vật chứng của vụ án đã tạm giữ gồm:

+ 01 (một) sườn xe mô tô và máy xe số 1125185 (do Nguyễn Tấn C giao nộp);

+ 04 (bốn) phuộc xe (do Võ Văn K giao nộp);

+ 02 (hai) bánh xe (do Lê Minh T giao nộp);

+ 01 (một) bình ắc quy; 01 (một) cạc te; 01 (một) dây công tơ mét; 01 (một) gấp xe; 01 (một) pô xe; 01 (một) gác chân giữa xe (thu tại nhà Đặng Chí B).

- Ngoài ra, Nguyễn Tấn C đã giao nộp các dụng cụ mà bị cáo dùng để tháo rời xe của ông Nguyễn Văn B gồm:

+ 01 (một) khóa vòng, hai đầu 8-10;

+ 01 (một) khóa vòng, hai đầu 10;

+ 01 (một) khóa vòng, hai đầu 13;

- + 01 (một) khóa vòng, hai đầu 14;
- + 01 (một) khóa vòng, hai đầu 12-14;
- + 01 (một) cái kim bằng kim loại;
- + 01 (một) tua vít, cán cầm bằng nhựa;
- + 01 (một) tua vít chữ T, tay cầm dạng khóa ống điều;
- + 01 (một) khóa ống điều, hai đầu vòng 13;
- + 01 (một) khóa ống điều, hai đầu vòng 10;
- + 01 (một) khóa ống điều chữ T.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn B yêu cầu bồi T thiệt hại tài sản theo kết quả định giá. Ngày 28/8/2020, các bị cáo Đặng Chí B, Nguyễn Tấn C, Võ Văn K và Lê Minh T đã bồi T cho ông B đủ số tiền 12.485.000đ (Mười hai triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng để trao trả cho ông B các bộ phận xe mô tô đã thu giữ như trên nhưng ông B không nhận mà tự nguyện giao cho các bị cáo để sử dụng và không có yêu cầu gì khác, đồng thời có đơn xin bãi nại cho các bị cáo. Do đó, ngày 28/8/2020, Cơ quan điều tra đã lập biên bản giao lại các tài sản trên cho các bị cáo theo yêu cầu của ông B.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS, ngày 11-9-2020 của Viện kiểm sát N dân huyện P đã truy tố các bị cáo Đặng Chí B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Tấn C, Võ Văn K và Lê Minh T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 65, 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Chí B từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn C từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Võ Văn K từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 06 (sáu)

tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị xử lý vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKS ngày 11/9/2020 của Viện kiểm sát N dân huyện P.

Đối với Bùi Văn N, sinh ngày 05/8/2004, tính đến ngày phạm tội 28/9/2019, N chưa đủ 16 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với loại tội phạm này. Vì vậy, ngày 27/8/2020 Công an huyện P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo; thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nên không tranh luận.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát N dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã mô tả và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Với động cơ tư lợi cá nhân nên khoảng 19 giờ ngày 28/9/2019, Đặng Chí B có hành vi xúi giục và chỉ chỗ cho Bùi Văn N lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại WAVE-RSX, màu đỏ-đen, biển số 71B2-613.33 của ông Nguyễn Văn B gửi tại nhà của ông Nguyễn Văn H ở ấp Thạnh M, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài nhưng do không tiêu thụ được nên cả hai tháo bỏ dàn áo và biển số xe rồi đẩy phần thân xe còn lại xuống ao nhà B để phi tang. Đến ngày 20/11/2019, Lê Minh T cùng với Võ Văn K và Nguyễn Tấn C đến ao nhà B giăng lưới bắt cá thì phát hiện chiếc xe mô tô trên và biết được chiếc xe do N trộm cắp mà có nhưng các bị cáo vẫn cùng nhau tháo rời và chia nhau các bộ phận xe với mục đích đem về sử dụng. Kết quả định giá của Hội đồng Định giá tài sản huyện P kết luận chiếc xe mô tô trên có giá trị còn lại là 12.485.000đ (Mười hai triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

[3] Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[5] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật B vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, điều đó thể hiện tính xem T pháp luật của các bị cáo. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát N dân huyện P truy tố về bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C, T, K không p H chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo B có hành vi xúi giục Bùi Văn N trộm cắp tài sản của ông B khi N chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo B p H chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có N thân tốt, các bị cáo phạm tội lần đầu, quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã tự nguyện bồi T thiệt hại cho người bị hại. Bị cáo C có ông nội là Liệt sĩ; bị cáo K có ông nội, bà nội tham gia cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và bản thân là bộ đội xuất ngũ; bị cáo T có ông ngoại tham gia cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba và ông nội, bà nội tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng Bằng khen; con của bị cáo K và C còn nhỏ. Ngoài ra, ông B có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Với mục đích để có tiền tiêu xài xài cá N mà không cần p H bỏ sức lao động, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông B, bị cáo Đặng Chí B đã xúi giục Bùi Văn N lén lút chiếm đoạt tài sản của ông B một cách trái pháp luật. Đối với các bị cáo C, K và T, mặc dù không có sự hứa hẹn trước nhưng các bị cáo biết rõ chiếc xe là do N và B trộm cắp mà có và nghĩ rằng khi cùng nhau tháo rời, chia nhau các bộ phận xe đem về sử dụng thì không bị phát hiện nên các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi của mình. Do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, không những

gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương; gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng N dân nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời góp phần phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[9] Xét tính chất của vụ án đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, các bị cáo là những đồng phạm với vai trò là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo Đặng Chí B khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức có phần hạn chế. Do đó, khi áp dụng hình phạt cần áp dụng các quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội để quyết định hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo K, T và C cùng nhau tháo rời các bộ phận của xe để chia nhau sử dụng nên mức hình phạt của các bị cáo là ngang nhau. Căn cứ vào N thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết p H cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương và phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo là phù hợp.

[10] Về trách nhiệm dân sự: ông B đã nhận đủ tiền bồi T, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) khóa vòng, hai đầu 8-10; 01 (một) khóa vòng, hai đầu 10; 01 (một) khóa vòng, hai đầu 13; 01 (một) khóa vòng, hai đầu 14; 01 (một) khóa vòng, hai đầu 12-14; 01 (một) cái kim bằng kim loại; 01 (một) tua vít, cán cầm bằng nhựa; 01 (một) tua vít chữ T, tay cầm dạng khóa ống điều; 01 (một) khóa ống điều, hai đầu vòng 13; 01 (một) khóa ống điều, hai đầu vòng 10; 01 (một) khóa ống điều chữ T hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKS ngày 11/9/2020 của Viện kiểm sát N dân huyện P.

[12] Đối với Bùi Văn N, sinh ngày 05/8/2004, tính đến ngày phạm tội 28/9/2019, N chưa đủ 16 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với loại tội phạm này. Vì vậy, ngày 27/8/2020 Công an huyện P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với B nên không xem xét giải quyết.

[13] Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo p H nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58 Điều 65, 91, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Đặng Chí B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 9 năm 2020

2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người có phạm tội mà có”. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 9 năm 2020.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Võ Văn K phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người có phạm tội mà có”. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 9 năm 2020.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người có phạm tội mà có”. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 9 năm 2020.

Giao các bị cáo Đặng Chí B, Nguyễn Tấn C, Võ Văn K và Lê Minh T cho Ủy ban N dân xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ngày 28/8/2020 ông B đã nhận đủ tiền bồi T, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) khóa vòng, hai đầu 8-10; 01 (một) khóa vòng, hai đầu 10; 01

(một) khóa vòng, hai đầu 13; 01 (một) khóa vòng, hai đầu 14; 01 (một) khóa vòng, hai đầu 12-14; 01 (một) cái kìm bằng kim loại; 01 (một) tua vít, cán cầm bằng nhựa; 01 (một) tua vít chữ T, tay cầm dạng khóa ống điều; 01 (một) khóa ống điều, hai đầu vòng 13; 01 (một) khóa ống điều, hai đầu vòng 10; 01 (một) khóa ống điều chữ T hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKS ngày 11/9/2020 của Viện kiểm sát N dân huyện P.

5. Đối với Bùi Văn N, sinh ngày 05/8/2004, tính đến ngày phạm tội 28/9/2019, N chưa đủ 16 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với loại tội phạm này. Vì vậy, ngày 27/8/2020 Công an huyện P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với B nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc mỗi bị cáo p H nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ khi nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- VKSND huyện P;
- Tòa án N dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện P;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Sơn - Nguyễn Văn Chót

Trần Thị Vân